

Số: /BC-VP

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc rà soát, đề xuất danh mục các Nghị quyết của HĐND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thực hiện tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Công văn số 393/TTg-PL ngày 05/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Công văn số 272/HĐND-TT ngày 22/5/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về việc rà soát, đề xuất danh mục các Nghị quyết của HĐND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thực hiện tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy. Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của các Ban HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

Đến ngày 30/5/2025, theo rà soát có 49 nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành đang còn hiệu lực cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ do thực hiện tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, trong đó:

1. Nhiệm kỳ 2016 - 2021: Có 10 Nghị quyết;
2. Nhiệm kỳ 2021 - 2026: Có 39 Nghị quyết.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan thực hiện rà soát, đề xuất phương án xử lý đối với các nghị quyết đã được HĐND tỉnh ban hành nhằm đảm bảo việc thực hiện các chế độ, chính sách sau khi hoàn thành việc tinh gọn, sắp xếp bộ máy; thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo và kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Mạnh Long

PHỤ LỤC

**DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC CỦA HĐND TỈNH CẦN BÃI BỎ
HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KHI THỰC HIỆN TỈNH GỌN, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY;
THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**
(Kèm theo Công văn số/BC-VP ngày/6/2025 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh)

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
I	Nhiệm kỳ 2016-2021					
1	Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/20217	Kinh tế - Ngân sách	- Tiết 3 khoản II Điều 1: Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác. - Tiết 4 khoản II Điều 1. Mức khoán công tác phí theo tháng. Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh, cấp huyện được cử đi công tác thường xuyên trên 10 ngày/ tháng: 500.000 đồng/người/tháng Đối với cán bộ công chức xã phường, thị trấn được cử đi công tác thường xuyên trên 10 ngày/tháng: 400.000 đồng/người/tháng Các đối tượng được hưởng khoản tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.	Do thực hiện chính quyền 2 cấp từ 01/7/2025 và việc phân cấp, phân quyền theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương sẽ được Quốc hội sửa đổi, bổ sung tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV	Sửa đổi, bổ sung

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
2	Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	Kinh tế - Ngân sách	Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,	nt	nt
3	Quy định về nội dung chi, mức chi cho hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh	Nghị quyết số 109/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	Kinh tế - Ngân sách	Khoản 2 Điều 1. Nội dung và mức chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội	nt	nt
4	Quy định về thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 110/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018	Kinh tế - Ngân sách	Điều 1. Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau: 1. Thời hạn HĐND cấp xã, cấp huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương: Trước ngày 31 tháng 7 năm sau. 2. Thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm: a) Thời hạn UBND	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp: - UBND cấp xã: Trước ngày 01 tháng 3 năm sau. - UBND cấp huyện: Trước ngày 31 tháng 3 năm sau. b) Thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND cùng cấp để thẩm tra và cho ý kiến: - UBND cấp xã, cấp huyện: Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm sau của HĐND cùng cấp. - UBND tỉnh: Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm sau của HĐND tỉnh.		
5	Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019	Kinh tế - Ngân sách	- Điều 3. Nguyên tắc chung - Điều 4. Các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp huyện bằng 70% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh; các nội dung chi, mức chi đối với HĐND cấp xã bằng 50% mức chi nội dung tương ứng của HĐND cấp tỉnh. Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã (sau khi nhân với các tỷ lệ mức chi tương ứng của HĐND cấp tỉnh) được làm tròn lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.	nt	nt
6	Ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh	Nghị quyết số 236/2019/NQ-HĐND ngày	Kinh tế - Ngân sách	- Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025 với những nội dung	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	Hóa, giai đoạn 2020-2025.	12/12/2019		sau: 1. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào dự án đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt 1.1. Đối tượng hỗ trợ Chủ đầu tư có dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước có công suất xử lý từ 50 tấn/ngày trở lên, sử dụng công nghệ đốt (đốt triệt để, đốt phát điện) hoặc công nghệ hỗn hợp (sản xuất phân bón, tái chế phế liệu kết hợp đốt), đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20% và được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư. 1.2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án, gồm: Đường giao thông, hệ thống thoát nước. 1.3. Nguồn vốn hỗ trợ: 50% ngân sách tỉnh; 50% còn lại do UBND các huyện, thị xã, thành phố huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện. 2. Hỗ trợ chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt 2.1. Đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân không có hoạt động		

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				sản xuất kinh doanh, dịch vụ. 2.2. Cách tính hỗ trợ: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến hỗ trợ chi phí xử lý được tính toán trên cơ sở kết quả nghiệm thu thực tế tổng khối lượng rác thải đã xử lý theo hợp đồng giữa UBND cấp huyện với đơn vị xử lý rác thải, tr đi lượng rác thải của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã được thu gom, xử lý. 2.3. Nguồn vốn hỗ trợ Đối với thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; đối với các huyện đồng bằng, ven biển, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; đối với các huyện miền núi, ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%. Phần còn lại do UBND các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối từ nguồn sự nghiệp môi trường và huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện (giao UBND tỉnh hướng dẫn việc sử dụng các nguồn vốn để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật).		
7	Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa	49/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	bàn tỉnh Thanh Hóa					
8	Ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	82/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
9	Ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
10	Ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2033	386/2021/NQ-HĐND ngày 26/04/2021	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	
II	Nhiệm kỳ 2021-2026					
1	Về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026	Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	Kinh tế - Ngân sách	- Điểm b Khoản 3 Điều 1 quy định điều kiện hỗ trợ: Được UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định. - Điểm đ quy định về hồ sơ đề nghị hỗ trợ "Tờ trình đề nghị công nhận làng nghề của UBND cấp huyện (bản sao)". - Khoản 2 Điều 2 quy định về trình tự thực hiện chính sách. Đối với chính sách hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp được thực hiện như sau: a) Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp (hoặc qua	Do thực hiện chính quyền 2 cấp từ 01/7/2025 và việc phân cấp, phân quyền theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương sẽ được Quốc hội sửa đổi, bổ sung tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện. b) Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Sở Tài chính; trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đã đề nghị được thụ hưởng chính sách. c) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Chủ tịch UBND cấp huyện, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. d) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ. đ) Trong thời gian 04 ngày làm việc, kể từ		

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho UBND cấp huyện. e) Trong thời gian 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính, Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh và thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành".		
2	Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025 tỉnh Thanh Hoá	Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Kinh tế - Ngân sách	- Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cấp huyện, thị xã, thành phố.	nt	nt
3	Về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2022-2025.	Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Kinh tế - Ngân sách	- Điều 1. Ban hành chính sách khuyến khích phát triển gtnt giai đoạn 2022 – 2025. - Điều 2. Về trình tự, thủ tục thực hiện chính sách Quy định về trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện.	nt	nt
4	Về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn,	Nghị quyết số 185/2021/NQ-	Kinh tế - Ngân sách	- Khoản 1 Điều 1. Chính sách phát triển nông nghiệp.	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025	HĐND ngày 10/12/2021		- Khoản 2 Điều 1. Chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. - Điều 2. Trình tự thủ tục thực hiện chính sách.		
5	Về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2026	Nghị quyết 214/2022/NQ HĐND ngày 13/04/2022	Kinh tế - Ngân sách	Điểm đ khoản 1 Điều 1. Trình tự thực hiện: - Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm cho Sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng có đủ năng lực và kinh nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan để ký kết hợp đồng, tổ chức thực hiện các lớp bồi dưỡng cho đối tượng có nhu cầu hỗ trợ. - UBND các huyện, thị xã, thành phố, căn cứ kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp hằng năm của UBND tỉnh, tổ chức tuyên truyền, mời và lập danh sách học viên có nhu cầu tham gia lớp bồi dưỡng trên địa bàn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và tổ chức các lớp bồi dưỡng theo quy định.	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				- Hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ: ... (v) Văn bản xác nhận việc tổ chức lớp bồi dưỡng của UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi tổ chức lớp bồi dưỡng (số lớp, thời gian, địa điểm tổ chức, số lượng, thành phần học viên tham gia lớp bồi dưỡng); (vi) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ...		
6	Nghị quyết về việc ban hành Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	Kinh tế - Ngân sách	Khoản 2 Điều 1. Trình tự thủ tục.	nt	nt
7	Về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu	Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Kinh tế - Ngân sách	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Điều 2. Nguyên tắc phân bổ Điều 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ Điều 4. Định mức phân bổ Điều 5. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025					
8	Về việc sửa đổi Nghị quyết thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	Kinh tế - Ngân sách	Khoản 6 Điều 1. Trình tự, thủ tục hỗ trợ	nt	nt
9	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh	Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	Kinh tế - Ngân sách	- Khoản 3 Điều 1: Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7: “Điều 7a. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới a) Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm của tỉnh thuộc lĩnh vực được giao theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và các văn bản liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp. b) Chủ trì tổ chức đánh giá tình hình lồng ghép các nguồn vốn thực	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của cả tỉnh thuộc lĩnh vực được giao quản lý, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.		
10	Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.	Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024	Kinh tế - Ngân sách	2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau: c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ điểm a khoản 2 Điều này). d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a khoản 2 Điều này). 3. Thẩm quyền mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
				2 Điều này được thực hiện như sau: c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước từ 200 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý. đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước dưới 200 triệu đồng/01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm.		
11	Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán	Nghị quyết số 49/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024	Kinh tế - Ngân sách	Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng	nt	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	kinh phí sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa					
12	Một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2027	01/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022	Pháp chế		Không còn cấp huyện	
13	Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	31/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	Pháp chế		Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	nt
14	Quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh	53/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024	Pháp chế		Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	Thanh Hóa				chuyên trách ở cấp xã	
15	Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	21/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt
16	Quy định trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết số 385/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh làm nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2023	116/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt
17	Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và	172/2021/NQ-HĐND ngày	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	quyết định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	11/10/2021				
18	Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt
19	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết	10/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.					
20	Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	337/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020	Pháp chế		Không còn cấp huyện	nt
21	Ban hành chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường THPT Chuyên Lam Sơn và các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	186/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
22	Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao đội tuyển năng khiếu tỉnh Thanh Hóa và đội tuyển các huyện, thị xã, thành phố	215/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
23	Ban hành chính sách	249/2022/NQ-	Văn hóa –	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025	HĐND ngày 13/7/2022	Xã hội			
24	Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	251/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
25	Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	252/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
26	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	257/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa					
27	Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026	287/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
28	Ban hành chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 - 2025	02/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
29	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 186/2021/NQ-HĐND ngày 0/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường trung học phổ thông chuyên Lam Sơn và các Trường THPT trên	03/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	địa bàn tỉnh Thanh Hóa					
30	Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực; trẻ em, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa	05/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
31	Sửa đổi một số nội dung tại Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 257/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh	11/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
32	Sửa đổi mức thu học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2025 - 2026 quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 287/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	21/2024/NQ-HĐND ngày 31/5/2024	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
33	Sửa đổi, bổ sung phụ lục Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh	33/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
34	Quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	51/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024	Văn hóa – Xã hội	Sửa đổi	Không còn cấp huyện	nt
35	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân	258/2022/NQ-HĐND ngày			Do thực hiện tinh gọn bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	bỏ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	13/7/2022	Dân tộc	Sửa đổi	phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	
36	Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ	12/2023/NQ-HĐND ngày 25/9/2023	Dân tộc	Sửa đổi	Do thực hiện tinh gọn bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	nt

TT	Tên Nghị quyết	Số, ngày ban hành	Ban tham mưu, đề xuất	Nội dung quy định được rà soát	Lý do/ Căn cứ pháp lý	Đề xuất bãi bỏ/ sửa đổi, bổ sung
	năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh					
37	Về việc ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát, giai đoạn 2023-2026	03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023	Dân tộc	Sửa đổi	Do thực hiện tinh gọn bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	nt
38	Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	47/2024 ngày 14/12/2024	Dân tộc	Sửa đổi	Do thực hiện tinh gọn bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	nt
39	Quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	06/2025/NQ-HĐND ngày 09/4/2025	Dân tộc	Sửa đổi	Do thực hiện tinh gọn bộ máy; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	nt